TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trang Thái Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Bà Dương Xuân Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Danh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 và Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử số: 01/TB-TA ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ trụ sở: số A, đường B, phường C, quận D, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Uỷ quyền khởi kiện và tham gia tố tụng cho giám đốc Chi nhánh huyện Y do ông Lê Thành D – Giám đốc Chi nhánh làm đại diện (theo văn bản ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014).

Địa chỉ trụ sở: số E, đường F, khu phố G, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc chi nhánh huyện Y là ông Lê Thanh S - Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Chánh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp H, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. ông Nguyễn Chánh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp H, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

3.2. ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp K, xã Z, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-11-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – ông Lê Thành D trình bày:

Ngày 09-7-2012, ông Nguyễn Chánh H ký hợp đồng tín dụng số: 5708-LAV-201202488/HĐTD vay của Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 700.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 15,5%/, lãi suất quá hạn là 22,25%/năm; mục đích vay vốn: mua 02 máy gặt đập liên hợp và 01 máy cày Ford + Romooc thớt; thời hạn vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 05-7-2015, trả tiền gốc làm 03 kỳ: kỳ 1 trả 200.000.000 đồng vào ngày 05-7-2013, kỳ 2 trả 200.000.000 đồng vào ngày 05-7-2014, kỳ 3 trả 300.000.000 đồng vào ngày 05-7-2015. Khi vay, ông Nguyễn Chánh T là anh ruột của ông H có ký hợp đồng số: 413/2012/HĐTC ngày 09-7-2012, thế chấp diện tích đất 53.372m^2 thuộc các thửa đất số 84, 85, 86, 87, 88 và 89 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp K, xã Z, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H0237 do UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông T ngày 30-10-2007 để bảo lãnh số tiền gốc và lãi do ông H vay. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ theo kỳ thì ông H trình bày gặp khó khăn và xin gia hạn thời gian trả tiền gốc và tiền lãi. Ngày 13-9-2013, ông H trả được số tiền lãi 27.523.612 đồng và từ đó cho đến nay không trả thêm số tiền nào khác. Cán bộ tín dụng đã làm việc với ông H nhiều lần nhưng ông H không có thiện chí trả nợ và thừa nhận không có khả năng thanh toán. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền 1.477.901.000 đồng, gồm tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28-02-2018 là 777.901.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 602.943.000 đồng, tiền lãi quá hạn 174.958.000 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp có diện tích đo đạc thực tế là 52.974m^2, thuộc các thửa đất số 84, 85, 86, 87, 88 và 89, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp K, xã Z, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25-9-2018) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn – ông Nguyễn Chánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chánh T: Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng ông H, ông T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không ghi lời khai; không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai, kiểm tra việc giao nộp

chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông H, ông T đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông H, ông T vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông *Nguyễn Văn S đã khai:* Năm 2016 (không nhớ ngày, tháng), ông có ký hợp đồng thuê QSD đất với bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột của ông H và ông T), diện tích hơn 50.000m^2 tọa lạc tại ấp K, xã Z, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (đất do ông T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất) với giá từ 32.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng/năm, thời gian thuê là 06 năm (từ năm 2016 đến năm 2021), hai bên có lập giấy tay, sau khi thuê ông trồng Thơm. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu phát mãi diện tích đất này để thu hồi nợ thì ông chấp nhận trả lại đất sau khi thu hoạch Thơm, thời gian thuê đất còn lại thì ông với bà H tự thỏa thuận. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông S) đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Đối với bị đơn là ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Quá trình thụ lý, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự là không chính xác. Bởi lẽ, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 319 Luật Thương mại; Điều 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với ông H. Buộc ông H có nghĩa vụ cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 28-02-2018 là 1.477.901.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo của ông T để thu hồi nợ nếu ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định: Buộc ông H phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng không phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do đó Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

2.1. Trong quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự là không chính xác. Bởi lẽ, hoạt động sản suất, kinh doanh của ông H và Ngân hàng đều nhằm mục đích lợi nhuận, do đó xác định quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng và ông H là quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là mới đúng pháp luật.

2.2. Quá trình giải quyết, ông H và ông T đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông H và ông T vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và ông T. Ông H và ông T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thấy rằng: Giữa Ngân hàng và ông H có ký kết hợp đồng tín dụng số: 5708-LAV-201202488/HĐTD ngày 09-7-2012 vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay để mua 02 máy gặt đập liên hợp và 01 máy cày Ford + Romooc thớt, thời gian vay 36 tháng. Đồng thời, ông T có ký kết hợp đồng thế chấp QSD đất số: 413/2012/HĐTC ngày 09-7-2012 với diện tích 53.372m^2 theo giấy chứng nhận QSD đất số: H0237 do UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông T để đảm bảo cho khoản tiền vay của ông H với Ngân hàng là thực tế có xảy ra. Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy, việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông H về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi hết hợp đồng, Ngân hàng thường xuyên làm việc với ông H yêu cầu trả nợ, điều đó thể hiện qua các biên bản làm việc từ năm 2015, 2016, 2017 và ông H đều thừa nhận còn nợ số tiền gốc 700.000.000 đồng nhưng không có khả năng thanh toán và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ. Tính đến ngày xét xử 28-02-2019, ông H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi 777.901.000 đồng. Do ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ 1.477.901.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 27.523.612 đồng mà ông H đã trả cho Ngân hàng là

tiền lãi và đã khấu trừ vào số tiền lãi ông H phải trả nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của ông T thì thấy rằng: Ngày 09-7-2012, ông T có ký hợp đồng thế chấp số: 413/2012/HĐTC, đảm bảo cho ông H vay số tiền 700.000.000 đồng bằng QSD đất có diện tích 53.372m^2 theo giấy chứng nhận QSD đất số: H0237 do UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông T đứng tên. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông T đã được đăng ký thế chấp, bảo đảm tại cơ quan chức năng đúng theo quy định pháp luật. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-9-2018 thì diện tích thực tế là 52.974m^2, không có nhà cửa, vật kiến trúc nhưng hiện tại ông Nguyễn Văn S đã thuê diện tích đất này để trồng Thơm. Qua làm việc, ông S đồng ý trả lại đất sau khi thu hoạch, tự thỏa thuận với bên cho thuê đất, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét. Do ông H không trả được nợ khi đến hạn và các bên không có thỏa thuận khác nên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số: 413/2012/HĐTC ngày 09-7-2012 để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận; do đó, ông H phải chịu 35.780.000 đồng theo qui định tại Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp xong nên ông H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 35.780.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông H phải chịu 56.337.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 319 Luật Thương mại; Điều 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y đối với ông Nguyễn Chánh H. Buộc ông Nguyễn Chánh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y số tiền 1.477.901.000 (một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm lẽ một nghìn) đồng, trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28-02-2019 là 777.901.000 đồng.

Nếu ông Nguyễn Chánh H không trả nợ thì Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất có diện tích thực tế 52.974m^2, thuộc các thửa đất số 84, 85, 86, 87, 88, 89 tờ bản đồ số 6

(bản đồ VN-2000), tọa lạc tại ấp K, xã Z, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Chánh T.

(kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25-9-2018)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (28-02-2019) nếu ông Nguyễn Chánh H chưa thanh toán số tiền nêu trên thì ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số: 5708-LAV-201202488/HĐTD ngày 09 tháng 7 năm 2012 cho đến khi thanh toán xong.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Nguyễn Chánh H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y số tiền 35.780.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Chánh H phải chịu 56.337.000 (năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y số tiền 25.314.700 (hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm) đồng theo biên lai số: 0021185 ngày 15-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng X - Chi nhánh huyện Y được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chánh H, ông Nguyễn Chánh T và ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, Th từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu